TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 09, 26/02 – 01/03/2024

Xu hướng tăng tiếp tục được duy trì

Tiêu điểm:

- Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tiếp tục được cải thiện trong tháng 2, khi đạt kết quả 50.4 điểm, tăng nhẹ so với 50.3 điểm của tháng 1. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng nhẹ tháng thứ hai liên tiếp do số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài đã cải thiện.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) cho biết, tính chung trong 2 tháng đầu năm nay, tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 9.84 tỷ USD, tăng 50.3%; xuất siêu đạt 2.68 tỷ USD, tăng 2.9 lần so với cùng kỳ năm trước.
- Lạm phát tại Mỹ trong tháng 1 tăng với tốc độ nhanh nhất trong 4 tháng dựa trên chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE). PCE lõi, không tính giá thực phẩm và năng lượng, tăng 0.4% trong tháng 1 và tăng 2.8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung, PCE tăng 0.3% trong tháng và 2.4% so với cùng kỳ năm ngoái, đúng với dự đoán của các nhà kinh tế.

Đánh giá: Các dữ liệu kinh tế gần đây cho thấy tình hình sản xuất của các doanh nghiệp đã có sự cải thiện ở mức tương đối trong tháng 2. Bên cạnh đó, tình hình xuất khẩu trong 2 tháng đầu năm cho thấy sự phục hồi đối với các ngành hàng nông lâm thủy sản. Tuy nhiên tình hình chung của nền kinh tế toàn cầu còn bị hạn chế khi chỉ số PCE tiếp tục duy trì ở mức cao, điều này buộc Fed cần có những động thái thận trọng hơn trong chính sách tiền tệ.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, VNINDEX đóng cửa tại 1,258 (+46.28 điểm, +3.82%), thị trường tiếp tục duy trì đà tăng mạnh mẽ với thanh khoản duy trì ở mức cao. Chỉ số VNINDEX kết thúc tuần xác nhận vượt kháng cự gần nhất ở mức 1,250. Các chỉ báo kỹ thuật như RSI và MACD tiếp tục cho tín hiệu củng cố xu hướng tăng trung hạn.

Ý tưởng đầu tư: Trong tuần qua, dòng tiền có sự luân phiên thay đổi giữa các nhóm ngành vốn hóa lớn như thép, ngân hàng, chứng khoán, giúp chỉ số duy trì ở mức cao. Nhà đầu tư có thể chú ý đến nhóm ngành có kqkd hồi phục nhưng chưa tăng mạnh như nhóm ngành xuất khẩu để đón đầu xu hướng.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,258	3.8	7.2	14.1	11.3		16.2	1.8	206
Upcom Index	91	0.9	3.4	6.8	4.6		12.6	1.3	47
HNX Index	236	2.3	2.5	4.5	2.3		22.7	1.3	12
VN30 Index	1,268	3.7	8.1	16.3	12.1		12.6	1.7	147
S&P 500 Index	5,096	0.1	3.9	10.9	6.8		24.4	4.7	44,439
STOXX Europe 600 Index	495	-0.5	2.2	6.1	3.3		14.1	2.0	14,299
Hang Seng	16,568	-0.9	6.4	-1.6	-2.8		8.7	0.9	2,475
Nikkei 225	39,911	2.1	10.8	19.4	19.3		28.0	2.2	4,622
SHCOMP Index	3,027	0.7	9.2	-0.2	1.8		13.9	1.3	6,360
STI Index	3,139	-1.4	-0.1	1.6	-3.1		11.4	1.1	358
KOSPI Index	2,642	-0.9	3.9	5.5	-0.5		18.0	0.9	1,562

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lê Đức Tiến
(84-28) 6299 8001
tien.ld@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	4.0	7.8	12.3	9.7	27.9	54.2	79.5	0.4	14.2	1.8	4,474,833
Mid Cap	5.7	6.9	11.8	8.3	17.4	41.2	19.2	-0.1	20.5	1.3	545,648
Small Cap	1.7	3.2	1.1	-7.5	6.7	14.7	1.3	-0.2	32.7	0.8	68,163

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Tài chính	8.3	9.2	16.6	25.7	46.8	60.1	17.7	2.3	23.2	1.7	211,285
Tài nguyên cơ bản	7.5	9.4	9.2	26.9	45.4	36.1	7.9	1.1	32.9	1.6	231,249
Hóa chất	6.5	17.3	25.3	6.7	32.3	103.5	5.2	-0.1	24.1	1.9	222,897
Công nghệ Thông tin	6.2	9.8	13.3	39.1	24.1	85.4	2.1	0.4	22.6	3.7	155,587
Bán lẻ	6.2	4.5	12.3	47.7	50.0	73.2	4.1	1.1	212.7	3.4	104,542
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.7	4.4	11.4	54.9	53.5	67.9	1.2	0.4	15.0	2.0	59,417
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	5.5	8.3	9.0	22.0	38.2	49.6	5.2	0.5	14.7	1.4	142,091
Thực phẩm và đồ uống	5.3	7.4	5.1	5.2	26.9	48.8	8.5	-0.4	24.2	2.5	438,368
Dầu khí	4.9	6.8	6.3	49.4	81.6	128.2	1.4	0.4	22.5	2.2	63,291
Ngân hàng	3.8	8.9	18.7	5.5	18.0	59.0	23.0	-0.9	10.3	1.7	2,042,152
Xây dựng và vật liệu	3.6	2.3	5.4	-2.6	6.7	41.0	6.2	-0.8	22.2	1.5	133,825
Tiện ích	2.6	4.0	6.1	-14.6	17.8	42.2	1.1	-0.3	15.9	1.9	310,661
Bất động sản	2.2	5.6	3.8	-10.6	8.4	31.8	15.2	-3.4	14.7	1.2	761,923
Dược và Y tế	1.6	3.6	4.0	111.8	143.6	117.0	0.2	0.1	14.2	2.1	36,014
Bảo hiểm	1.2	3.4	7.2	-32.6	-13.8	22.1	0.1	-0.1	6.9	1.5	43,669
Ô tô & Phụ tùng	0.9	1.9	7.2	-21.8	-22.5	-9.4	0.3	-0.1	18.9	1.2	15,659
Du lịch và Giải trí	0.5	0.0	-1.1	1.4	3.1	-9.3	0.4	0.0	n.a	20.1	95,439
Truyền thông	0.4	0.8	-10.1	-14.5	16.4	38.4	0.1	0.0	30.0	1.0	1,924

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,487**	-0.6	-41.0	-233.9	-158.6
Nước ngoài	**2,450**	4.8	-28.2	-186.1	-5.9
VanEck Vectors Vietnam ETF	546	1.3	1.3	-6.1	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	897	6.4	8.3	27.9	77.4
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	428	0.0	-23.9	-195.7	-187.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	361	-2.9	-11.0	-7.4	59.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	187	0.0	-2.9	-4.2	-24.1
Premia MSCI Vietnam ETF	15	0.0	0.0	-0.6	-1.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,038**	-5.5	-12.8	-47.8	-152.7
DCVFMVN Diamond ETF	572	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	331	-5.1	-12.4	-11.6	-54.4
SSIAM VNFIN LEAD ETF	93	-0.3	0.6	-34.9	-97.7
MAFN VN30 ETF	25	-0.1	-0.1	-0.5	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	-0.9	-0.8	-0.9
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	0.0	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-6,066	-33,134	-67,495
Ấn độ	50	-24	-3,164	-3,164
Indonesia	-168	646	1,180	1,180
Nhật Bản*	-1,369	7,415	24,562	24,562
Maylaysia	-64	277	422	422
Philippines	10	129	208	208
Hàn Quốc	756	6,120	8,373	8,373
Sri Lanka	-2	-5	-12	-12
Đài Loan	-277	3,390	4,805	4,805
Thái Lan	-164	82	-788	-788
Việt Nam	5	-102	-49	-49

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

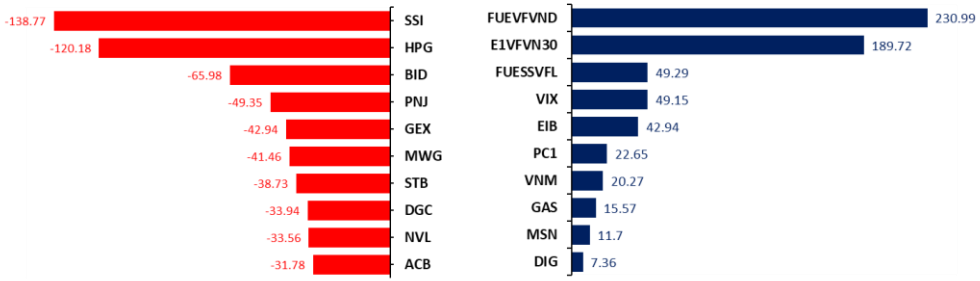
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

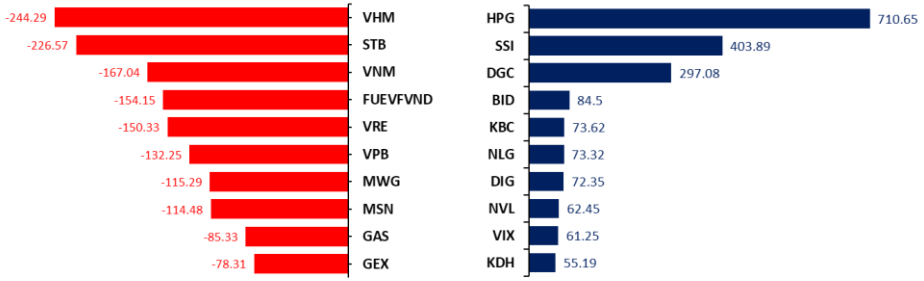
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-52	-203	422	-218
Tài nguyên Cơ bản	-144	703	73	-776
Truyền thông	0	-6	9	-2
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-85	12	83	-96
Y tế	1	18	-204	186
Hóa chất	-37	341	-285	-57
Dịch vụ tài chính	389	322	-512	191
Du lịch và Giải trí	-3	-19	11	8
Ngân hàng	-204	-453	754	-301
Xây dựng và Vật liệu	22	-71	291	-220
Thực phẩm và đồ uống	34	-360	338	22
Bán lẻ	-45	-143	260	-118
Điện, nước & xăng dầu khí đ	16	-117	74	43
Hàng cá nhân & Gia dụng	-49	-34	81	-47
Công nghệ Thông tin	-24	6	104	-111
Ô tô và phụ tùng	5	-15	25	-10
Bảo hiểm	-2	-4	4	0
Dầu khí	-45	-68	85	-17
Tổng	-222	-90	1,613	-1,523

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ST8	Công nghệ Thông tin	10.00 - 31.50	11.8	-16.3%
2	VFG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	33.50 - 65.90	56.1	-10.1%
3	PGI	Bảo hiểm	21.45 - 27.80	24.0	-7.0%
4	TNC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.20 - 67.50	58.2	-6.9%
5	HAS	Sản xuất nông nghiệp	6.06 - 9.80	7.0	-6.5%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
33.8%	15.1	7.64 - 15.05	Hóa chất	SFG
18.7%	10.6	7.10 - 12.20	Tài nguyên Cơ bản	DHM
18.1%	58.0	15.95 - 59.50	Dịch vụ tài chính	FTS
16.0%	15.2	10.06 - 15.60	Bất động sản	IJC
15.3%	58.0	48.60 - 81.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	GMD

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CET	Hàng cá nhân & Gia dụng	3.10 - 10.90	5.0	-16.7%
2	L43	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.70 - 5.70	2.8	-15.2%
3	HGM	Tài nguyên Cơ bản	36.00 - 59.00	46.4	-11.3%
4	VTJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	2.60 - 4.50	3.5	-10.3%
5	PIA	Viễn thông	22.50 - 31.40	23.4	-10.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
20.4%	11.2	9.30 - 20.50	Bán lẻ	THS
15.1%	9.9	5.70 - 10.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	STP
14.0%	46.5	20.10 - 47.20	Xây dựng và Vật liệu	L18
13.8%	16.5	11.40 - 19.50	Tài nguyên Cơ bản	VIF
13.2%	24.9	10.55 - 25.30	Tài nguyên Cơ bản	VGS

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	LGM	Hàng cá nhân & Gia dụng	4.40 - 17.00	8.5	-32.0%
2	TIE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.40 - 11.60	5.9	-30.6%
3	MQN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14.87 - 25.00	17.4	-27.5%
4	TLI	Hàng cá nhân & Gia dụng	5.00 - 10.30	7.3	-26.3%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	1.30 - 2.70	1.3	-23.5%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
70.3%	10.9	5.60 - 10.90	Tài nguyên Cơ bản	TMW
47.4%	2.8	1.70 - 2.80	Xây dựng và Vật liệu	RCD
42.7%	74.9	40.00 - 97.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VFC
36.1%	24.5	12.60 - 36.00	Thực phẩm và đồ uống	HAF
31.1%	13.5	6.00 - 13.50	Tài nguyên Cơ bản	TNB

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	BTP	CTCP Cảng Quy Nhơn	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3,871.4	307.5	18.4	12.40 - 18.60	5.8
2	PSH	TMại ĐT Dầu khí Nam Sông Hậu	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	9,321.9	242.1	8.1	5.51 - 15.95	6.6
3	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	Tài nguyên Cơ bản	24,170.4	178.6	59.8	38.00 - 63.00	10.5
4	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	5,104.0	160.1	55.7	37.50 - 60.00	3.3
5	CAV	Dây cáp điện Việt Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	307.3	157.1	70.5	53.00 - 79.00	0.7
6	SJS	SUDICO	Bất động sản	9,679.2	141.1	75.5	39.20 - 77.60	5.7
7	TNH	Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	Y tế	23,798.9	138.6	22.2	17.00 - 25.17	14.5
8	TVS	Chứng khoán Thiên Việt	Dịch vụ tài chính	2,805.9	131.4	23.5	15.08 - 28.40	10.6
9	PNJ	Vàng Phú Nhuận	Hàng cá nhân & Gia dụng	144,183.4	95.0	95.7	70.10 - 96.40	9.0
10	KDH	Nhà Khang Điền	Bất động sản	157,159.5	94.4	35.0	21.82 - 35.20	10.1

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

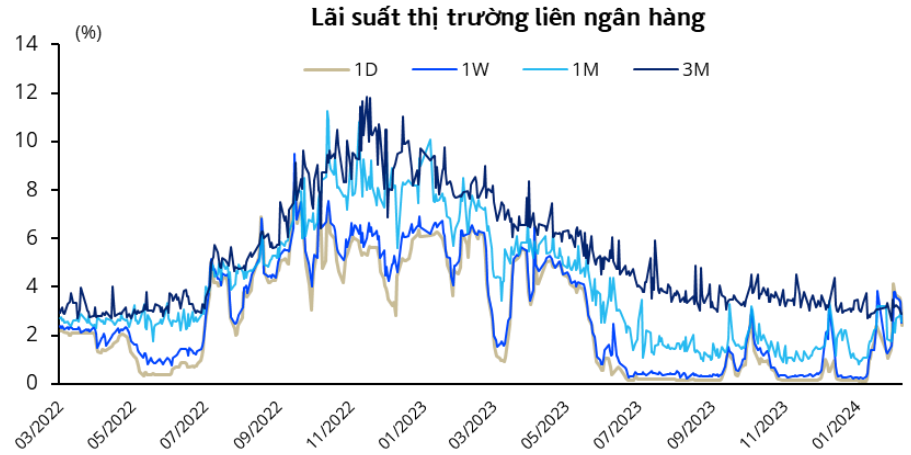
Tỷ giá

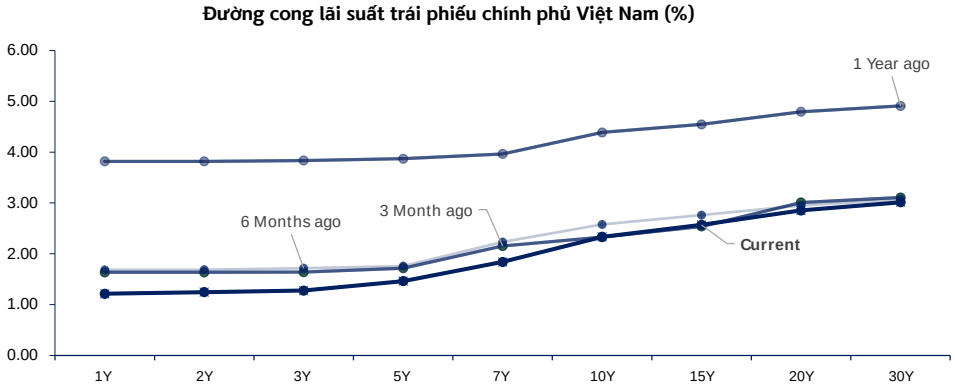
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	104.12	0.2	1.0	0.8	2.8	
VND/USD	24,649	0.1	1.0	1.5	1.6	
KRW/USD	1,331.40	0.2	-0.2	3.2	3.4	
JPY/USD	150.54	0.0	2.8	2.5	6.7	
EUR/USD	0.92	0.1	0.6	0.7	2.1	
SGD/USD	1.35	0.2	0.7	0.9	2.0	
CNY/USD	7.20	0.0	0.3	1.0	1.4	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	78.47	2.6	6.3	5.9	9.5	
Xăng	258.31	13.5	17.7	21.8	22.9	
Gas	1.87	16.4	-9.0	-33.7	-25.8	
Than	131.00	9.7	12.4	-0.9	-10.5	
Vàng	2,044.67	0.5	-0.5	-1.3	-0.9	
Bạc	22.61	-1.5	-2.5	-11.3	-5.0	
Platinum	875.73	-2.9	-4.4	-6.6	-11.7	
Quặng sắt	114.57	-10.4	-15.2	-12.2	-16.0	
Thép cán	4,013.00	-0.1	-1.0	0.2	-1.6	
Lúa mì	577.50	-1.0	-3.0	1.3	-8.0	
Ngô	417.00	4.3	-6.8	-10.2	-11.5	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.21	1.24	1.28	1.46	1.84	2.33	2.57	2.54	2.76
Thay đổi (BPS)*	0.00	0.00	0.00	-0.90	-5.50	-1.90	-2.20	1.20	0.70

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.